

THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

CHƯƠNG III: LÝ THUYẾT HIỆN ĐẠI VỀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ (PART 1)

LÝ THUYẾT H-O

ThS. Đàm Thị Phương Thảo
Khoa Kinh tế và Kinh doanh quốc tế
Đại học Kinh tế - ĐHQGHN

Nội dung chính (part 1)

1. Nguồn lực sản xuất vốn có và lý thuyết Hecksher Ohlin

- Những giả thuyết của lý thuyết Hechsher-Ohlin
- Khai niệm yếu tố thâm dụng, yếu tố dư thừa và mối quan hệ với mô hình đường giới hạn khả năng sản xuất
- Định lý Hechsher - Ohlin
- Ý nghĩa của lý thuyết Hechsher - Ohlin

Nội dung chính (part 2)

2. Lý thuyết thương mại dựa trên lợi thế nhờ quy mô

- Thương mại dựa trên lợi thế so sánh và lợi tức không đổi theo quy mô và thương mại dựa trên lợi thế kinh tế nhờ quy mô
- Lợi thế kinh tế nhờ quy mô và lợi thế so sánh

3. Lý thuyết lợi thế cạnh tranh quốc gia

4. Các lý thuyết thương mại khác

- Lý thuyết chu kỳ sản phẩm quốc tế
- Lý thuyết Linder

Heckscher - Ohlin's Theory



Eli Heckscher



Bertil Ohlin

Lý thuyết H-O

Những giả thiết của lý thuyết H-O

n (K).

thuật.

m X. Hay

$${}_K^L(X) > {}_K^L(Y) ; {}_L^K(Y) > {}_L^K(X)$$

ng.

Những giả thiết của lý thuyết H-O

m.

c gia.

ng nhau.

Những giả thiết của lý thuyết H-O

8. Thương mại quốc tế là hoàn toàn tự do, không tính đến chi phí vận chuyển, không tính đến thuế quan và các chi phí khác trong thương mại.
9. Nhu cầu tranh hoàn hảo ở cả 2 thị trường (thị trường hàng hoá và thị trường các YTSX).
10. Các nguồn lực được sử dụng hết ở cả 2 quốc gia
11. Thương mại quốc tế cân bằng (xuất khẩu ở nước này bằng nhập khẩu ở nước kia và ngược lại)

cuu duong than cong . com

ng,

ng PPF

Yếu tố thâm dụng

m X.

n.

Yếu tố di thừa

-

là lao động (L).

-

c gia:

a

Cách 1

c gia đó

-

c gia khác

$$\frac{\sum^L}{\sum^K} (1) > \frac{\sum^L}{\sum^K} (2)$$

-

c gia khác.

$$\frac{\sum^K}{\sum^L} (2) > \frac{\sum^K}{\sum^L} (1)$$

a

- **Cách 2:** thông qua giá nhân m so sánh để xác định c gia đó có thể dư a tư n hay lao động hay không

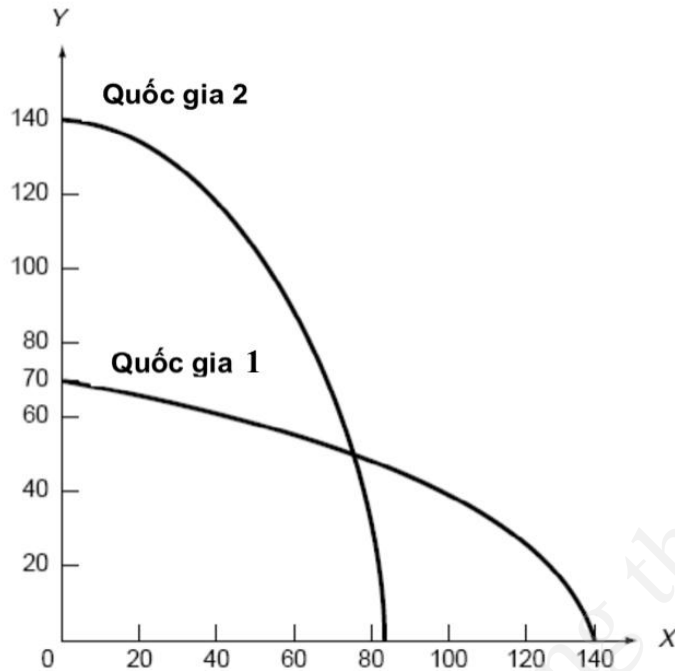
- Một c gia c coi là dư a tư n u sô a giá tư n so i giá i gian lao động (P_K/P_L) p hơn sô này a c gia khác

$$\frac{P_K}{P_L}(2) = \frac{r}{w}(2) < \frac{P_K}{P_L}(1) = \frac{r}{w}(1)$$

- Một c gia c coi là dư a lao động u sô a giá lao động so i giá tư n (P_L/P_K) p hơn sô này a c gia khác.

$$\frac{P_L}{P_K}(1) = \frac{w}{r}(1) < \frac{P_L}{P_K}(2) = \frac{w}{r}(2)$$

ng PPF



- Vì quốc gia 2 là quốc gia **đư thừa vốn** và **sản phẩm Y là sản phẩm sử dụng nhiều vốn** nên quốc gia 2 có thể sản xuất sản xuất Y nhiều hơn tương đối so với quốc gia 1
 \Rightarrow PPF là đường hẹp nằm **đọc** **trục tung**

- Vì quốc gia 1 là quốc gia **đư thừa lao động** và **sản phẩm X là sp sử dụng nhiều lao động** nên quốc gia 1 có thể sản xuất sản xuất X nhiều hơn tương đối so với quốc gia 2
 \Rightarrow PPF là đường hẹp nằm **đọc** **trục hoành**

Định lý Hechsher-Ohlin và Định lý Hechsher-Ohlin-Samuelson

Lý thuyết Hechsher-Ohlin được xem là tổng hợp của hai lý thuyết:

-

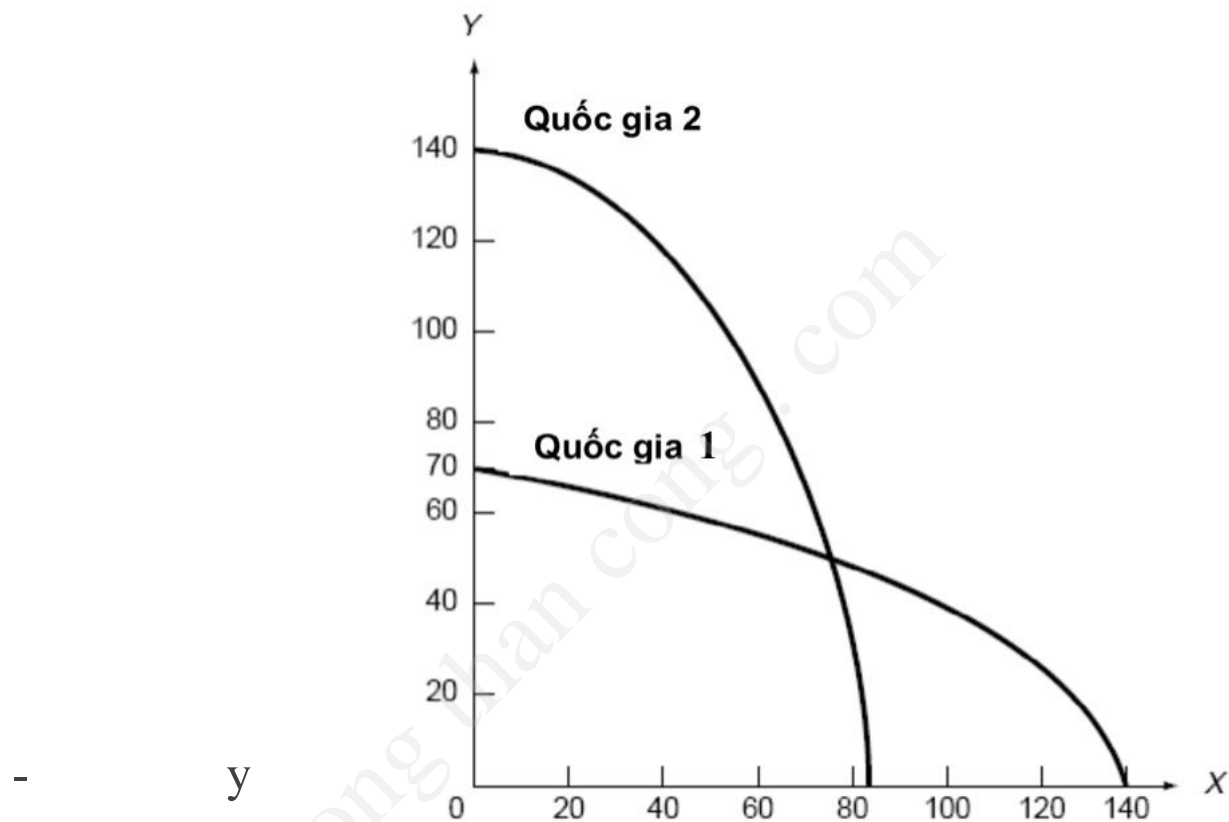
t H - O

-

t H- O-S.

Lý thuyết H-O

Một c gia t u n m thâm ng u
tô mà c gia đó đư a tương i và nhập u
n m thâm ng u tô mà c gia đó khan m
tương i.



i.

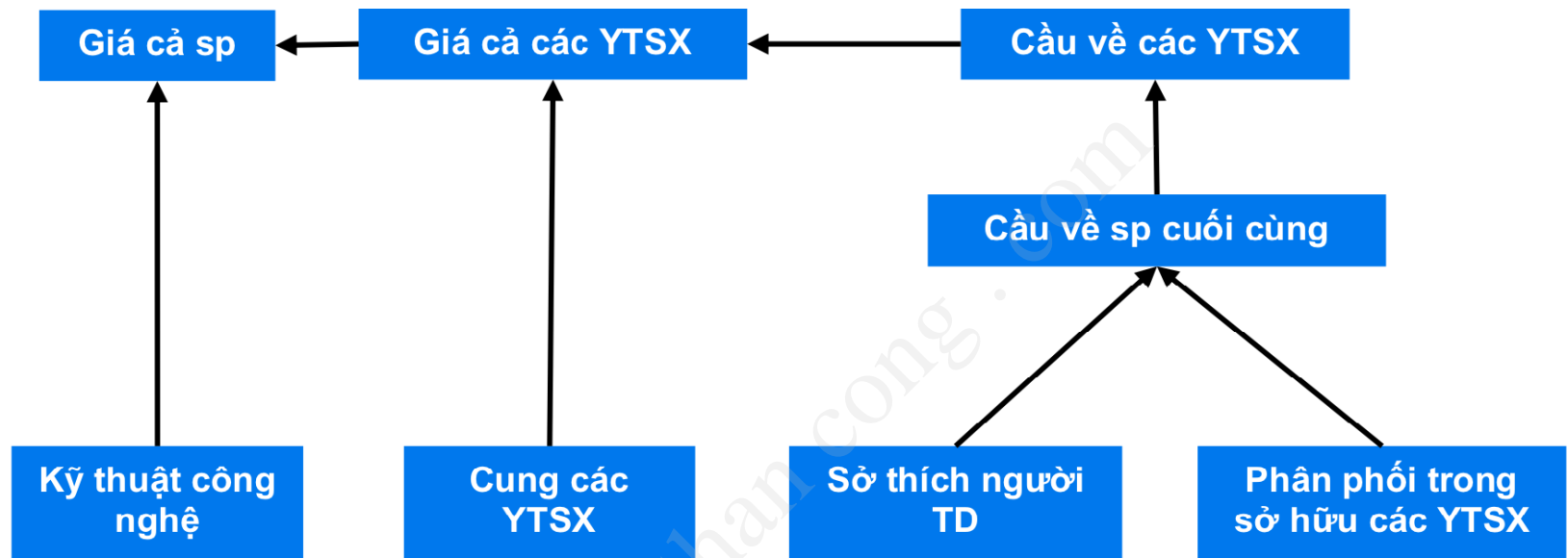
m X.

Cơ sở để sinh ra thương mại quốc tế

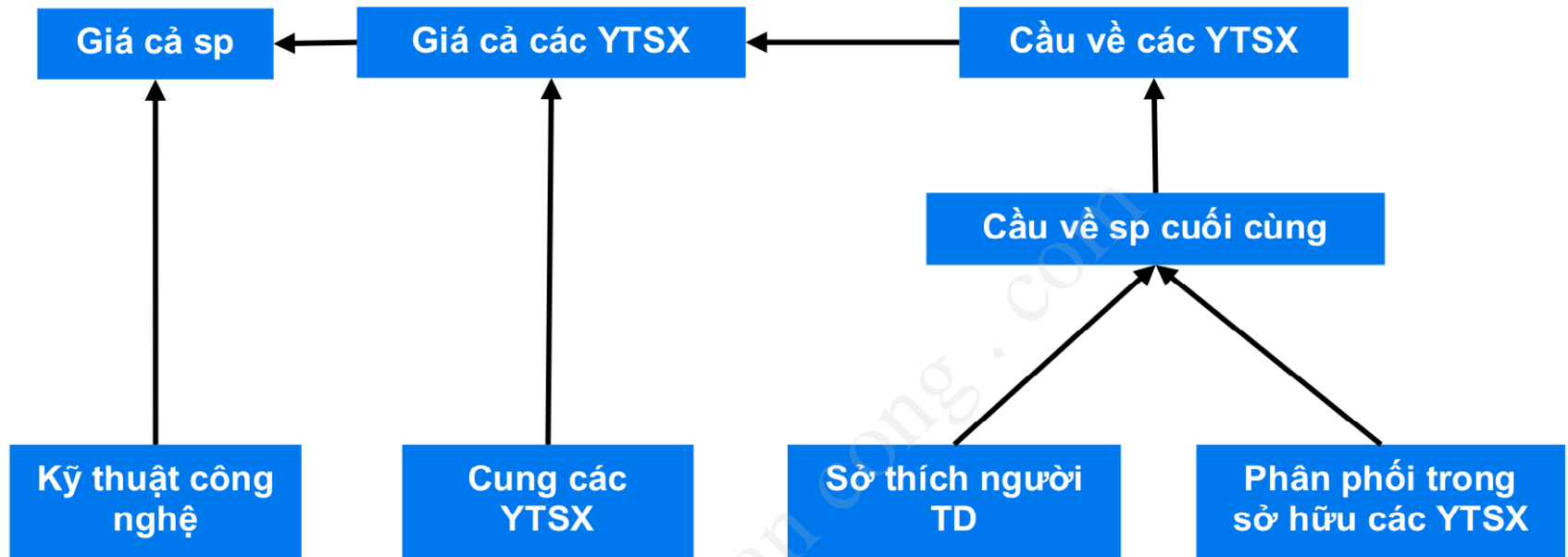
=> Lý do H-O đã chỉ thích triệt để nên có
phát sinh ra lợi thế so sánh. Đó là sự khác nhau về
các ưu thế và tương đối hay nên có và lợi thế gia.

=> Đây chính là nền bộ hơn so với các lý do
c.

Theo lý thuyết H-O, giá cả được hình thành từ nhiều yếu tố



- Sở thích cá nhân tiêu dùng và phân phối trong sở hữu các YTSX (ví dụ như phân phối thu nhập xác nhận về hàng hóa hay về niềm vui cùng).
- Về hàng hóa này xác nhận về các YTSX có sự cần thiết ra hàng hóa đó
- Nhu cầu về các YTSX cùng với cung của các YTSX trong điều kiện cạnh tranh hoàn hảo xác định giá cả



- c giá của hàng hoá cuối cùng hay giá sản phẩm

- u hàng hóa nào)

Cơ sở để sinh ra thương mại quốc tế

=> Lý do H-O đã có sự khác nhau trong giá trị mà so sánh hay **lợi thế so sánh** của các nước gia chính là **sự khác nhau** về các ưu thế tự nhiên hay các tài nguyên có sẵn của nước gia.

Minh họa lý thuyết H-O

- nh sơ thích và thi u a i tiêu dùng là như nhau ở hai c gia nên hai c gia này có chung hệ ng các ng bàng quan.
- ng bàng quan I (ng bàng quan chung a hai c gia) p xúc i ng PPF a c gia 1 i m A và p xúc i ng PPF a c gia 2 i A'
- ng bàng quan này ng chính là ng bàng quan cao t mà hai c gia có thể t c khi tư cung tư p và m A và A' thể hiện m cân ng n t và tiêu dùng a hai c gia khi không có thương i.

Minh họa lý thuyết H-O

-

ng PPF

-

m B'.

-

ng nhau ($P_B = P_{B'}$)

ng P_B

c gia 2

-

c gia.

Minh họa lý thuyết H-O

- Sau đó, các gia đình mua X, nhập vào các gia đình 2 và tiêu dùng ở mức E trên đường bàng quan II
- Các gia đình mua Y để nhập vào X từ các gia đình 1 và tiêu dùng ở mức E' hoàn toàn trùng với mức E

=> Như vậy, sau khi có thương mại, giá nên so sánh cân bằng ở hai các gia đình 1 và 2 là ngang nhau và đường bàng quan II có độ dốc lớn hơn đường bàng quan I và nằm bên ngoài đường PPF của 2 các gia đình.

=> Thương mại đã mang lại lợi ích cho hai các gia đình.

Định lý H-O-S

- Giả thiết: giống các giả thiết được xây dựng ở định lý H-O
- Định lý H-O-S: *thường thì các cân bằng tương đối và tuyệt đối trong tất cả các YTSX và các cơ gia.*

Định lý H-O-S

- Nếu đó có a là thương i c tê làm cho n lương a các lao động ng t và i t a a các tư n ng t a các c gia tham gia thương i là như nhau.
- Lao động ng t là lao động có cùng một năng t , có cùng một trình độ kỹ thuật tay nghề như nhau. Tư n ng t có cùng một năng t và sự i ro như nhau.
- Như vậy, định lý H-O-S: thương i c tê làm cho n lương và lãi t như nhau ở c gia 1 và c gia 2, c là giá u tô tương i và tuyệt i cân ng .

t Heckscher - Ohlin

Ưu điểm:

- Lý thuyết H-O có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn. Đây là một trong những lý thuyết có những đóng góp kinh tế thực tế, cho phép xử lý cùng một lúc những vấn đề về phân bổ thu nhập và mô hình thương mại.
- Lý thuyết H-O đã tìm ra những cơ sở phát sinh ra lợi thế so sánh. Đó là sự khác biệt giữa các yếu tố dư thừa tương đối hay ngược lại, những tài nguyên có sẵn trong gia đình.
- Giúp chúng ta nhận thức được những giá trị nội tại và cung cấp những lý luận cho quá trình xác định giá trị nội tại.
- Giúp các gia đình có những đóng góp trong chính sách thuế thu và nhập khẩu, tiền lương, lãi suất

Thuyết Heckscher - Ohlin

Hạn chế:

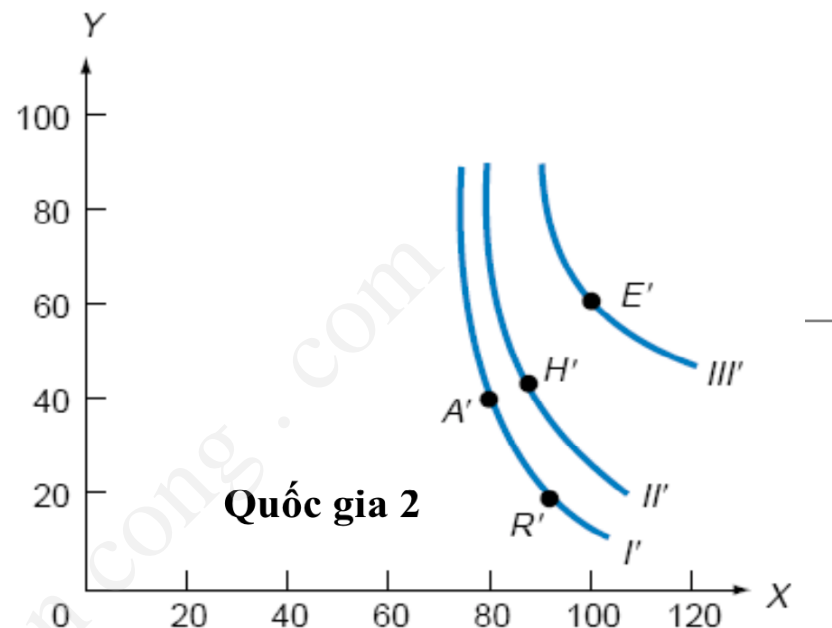
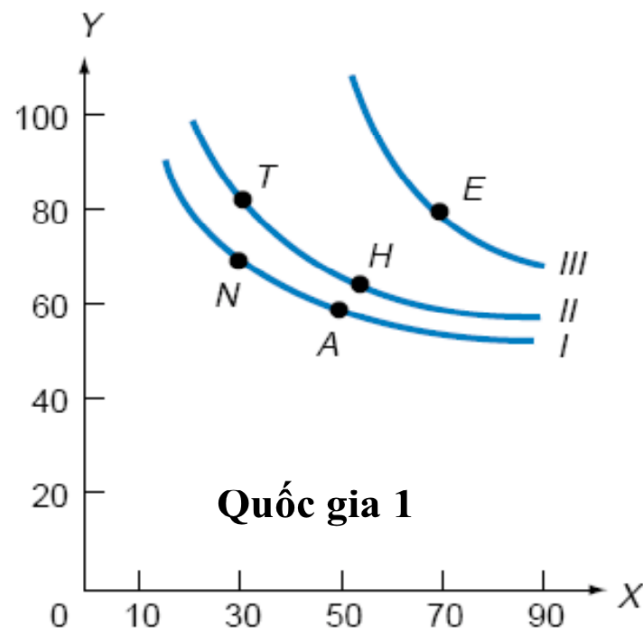
- Lý thuyết H-O cho rằng các quốc gia nên tận dụng lợi thế so sánh mà quốc gia đó dư thừa tương đối và nhập khẩu lợi thế so sánh mà quốc gia đó khan hiếm tương đối. Nhưng thực tế không phải lúc nào cũng vậy. Ví dụ, trong năm nay, Hoa Kỳ là hàng hóa xuất khẩu ít hơn hàng hóa nhập khẩu.
- Không đề cập đến sự khác biệt về trình độ lao động của các quốc gia
- Công nghệ trên tất cả các quốc gia là không đồng nhau
- Chưa tính đến các rào cản thương mại như chi phí vận chuyển, thuế quan, v.v...

=> Lý thuyết H-O đúng nhưng chưa có sự triệt để.

Phụ lục:

Lý thuyết đường cong bàng quan đại chúng và Cơ sở lợi ích của thương mại khi chi phí cơ hội tăng

- Đường cong bàng quan đại chúng
 - ra ng sự t p khác nhau a hai n m mà sô ng a chúng là tương đương hay đem i độ a ng như nhau cho ng i tiêu dùng
- Người tiêu dùng có thái độ bàng quan với một điểm t kì trên ng cong bàng quan đó
- CICs càng cao, càng xa hơn so i c toa độ thì sự thỏa mãn càng n. CICs càng p thì sự thỏa mãn càng ít.



Quốc gia 1: Có 3 đường bàng quan đại chúng (khác nhau bởi thị hiếu và sở thích của người tiêu dùng khác nhau)

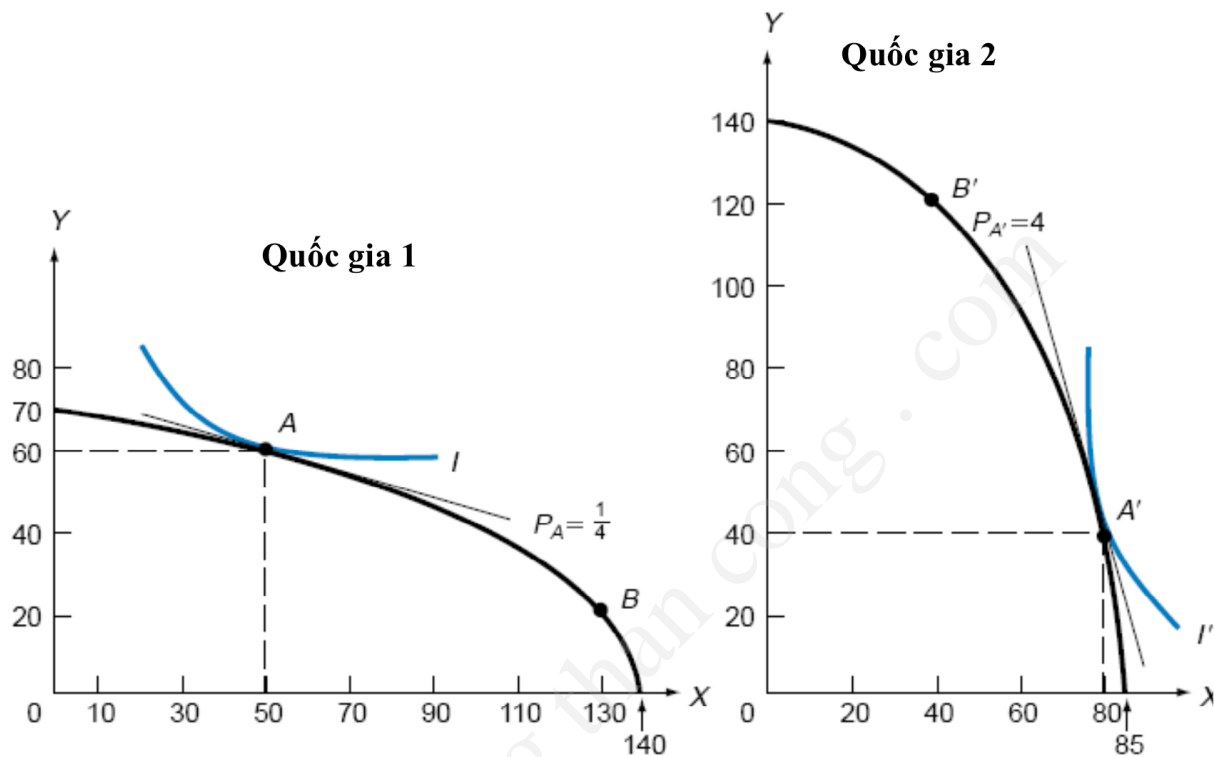
- Mức độ thoả mãn của người tiêu dùng **như nhau ở điểm N và A**

- Trên CIC I: tiêu dùng của gia 1 có độ thỏa mãn như nhau ở điểm N và A

=> mức độ thỏa mãn của người tiêu dùng tăng lên nhưng mức độ thỏa mãn ít đi.

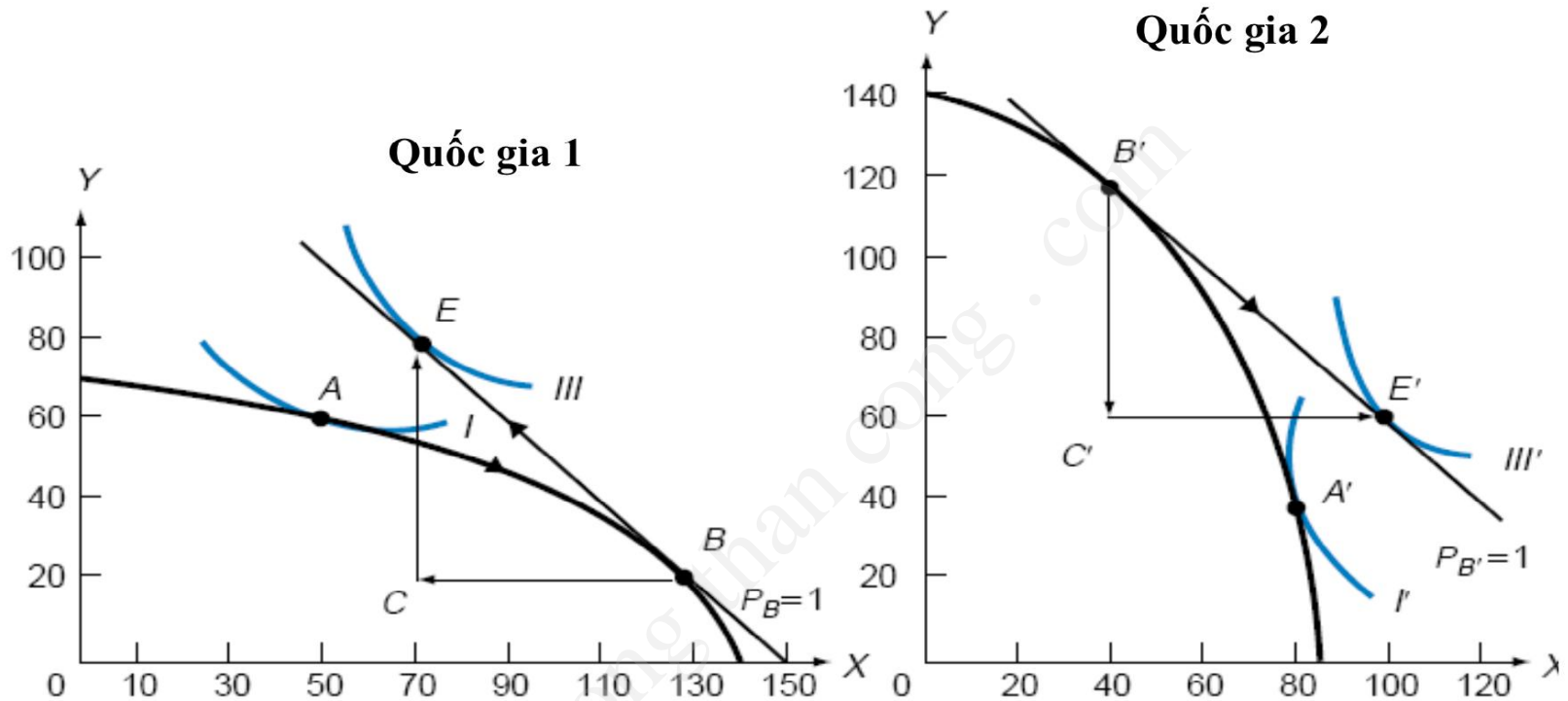
- Mức độ thoả mãn của người tiêu dùng: $N=A < T=H < E$

Quốc gia 2: $A'=R' < H' < E'$



- Khi không có thương mại, một quốc gia đạt trạng thái cân bằng khi sản xuất hàng hóa mà nó có lợi thế so sánh.
- \Rightarrow mức cân bằng của quốc gia 1 là điểm A
- \Rightarrow mức cân bằng của quốc gia 2 là điểm A'

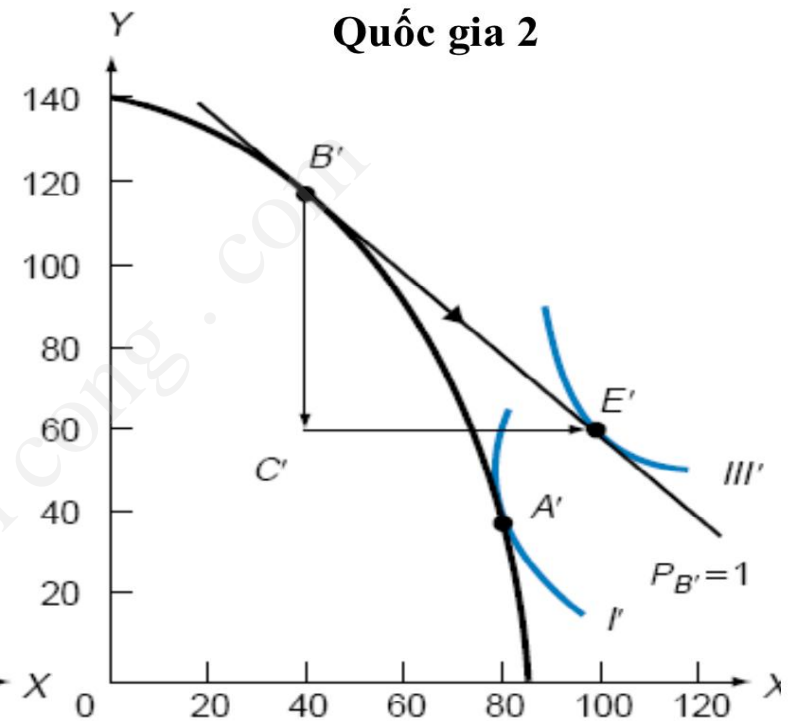
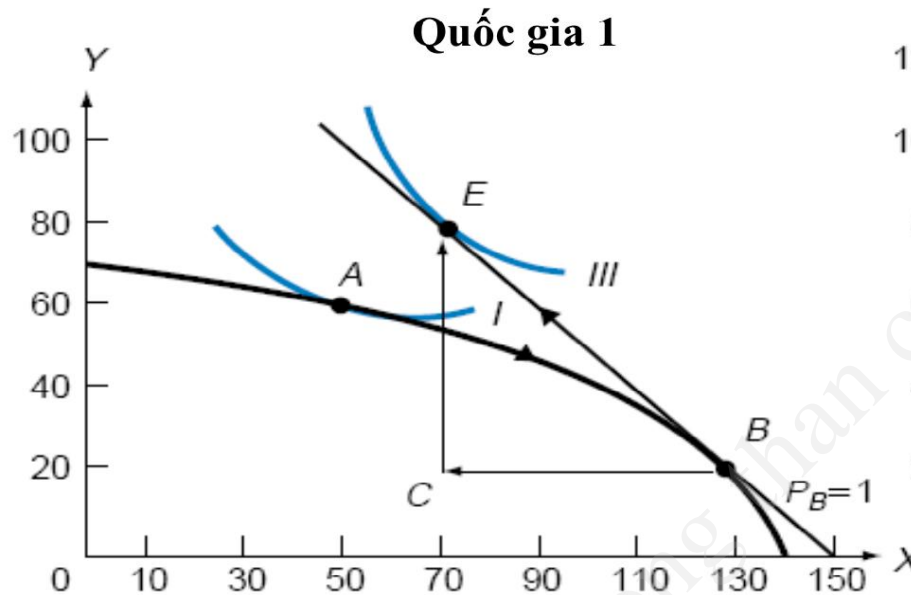
Khi có thương mại



- Vì giá n m so sánh a 2 c gia là khác nhau \Rightarrow i thê so sánh a hai c gia i i ng i n m \Rightarrow 2 c gia n hành chuyên môn hóa và trao i hàng hóa i nhau đề cùng có i

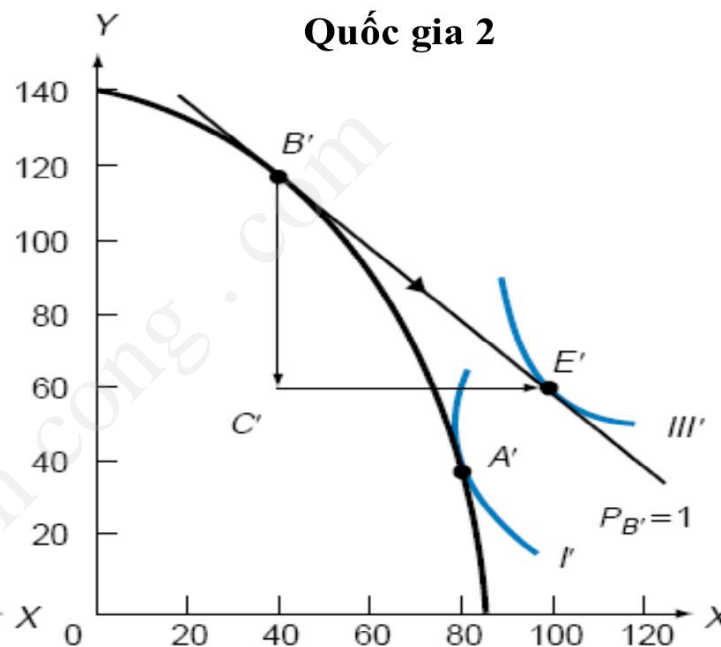
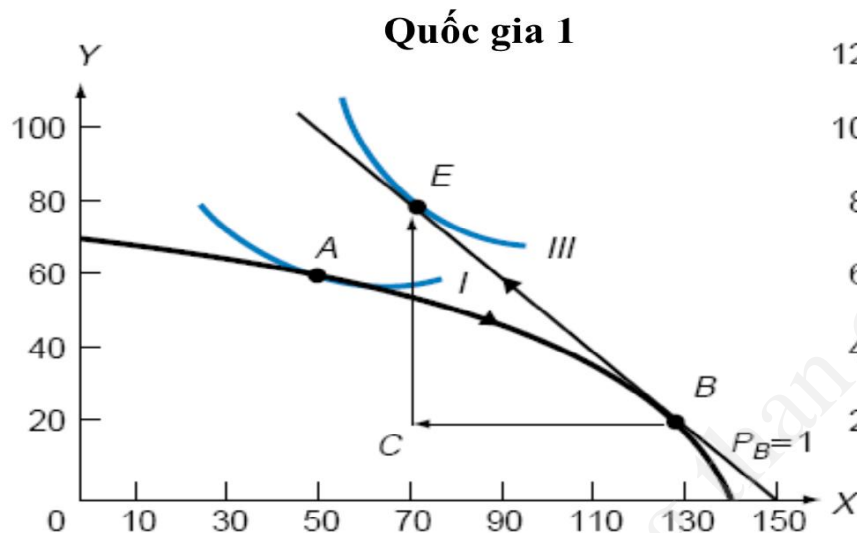
\Rightarrow cho đến khi giá cả so sánh giữa 2 quốc gia bằng nhau

Khi có thương mại



- Quốc gia 1: chuyển từ điểm A sang điểm B
- Ở đây Quốc gia 1 có 60X và 60Y trước khi có quốc gia 2 (tỉ lệ trao đổi là $P_B=1$). Khi cùng có quốc gia tiêu dùng ở điểm E (70X, 80Y) trên đường bàng quan III.
- So sánh ở điểm A (50X, 60Y) trên đường bàng quan I thì Quốc gia 1 đã có 10X và 20Y.

Khi có thương mại



- Quốc gia 2: chuyển từ điểm A' sang điểm B'
- Ở đây Quốc gia 2 có 60Y và 60X từ Quốc gia 1 (tỉ lệ trao đổi là $P_{B'}=1$). Ở cùng Quốc gia tiêu dùng ở điểm E' (100X, 60Y) trên đường bàng quan III.
- So sánh ở điểm A' (80X, 40Y) trên đường bàng quan I' thì Quốc gia 2 đã có 20X và 20Y.

=> Lợi ích của thương mại khi chi phí cơ hội tăng

Tóm tắt nội dung bài

1. Lý thuyết thương mại hiện đại bao gồm lý thuyết H-O, lý thuyết thương mại với chi phí cơ hội tăng lên, lý thuyết thương mại liên quan đến cung cầu...
2. Lý thuyết H-O:
c gia đó u
u c gia đó
i.

Tóm tắt nội dung bài

-

m.

-

ch..

5. Lợi ích của thương mại khi chi phí cơ hội tăng và Lý thuyết đường cong bàng quan đại chúng